

Số: 08/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu Q, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (nay là khu Q, xã S, tỉnh Phú Thọ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Bà Phạm Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1981, địa chỉ: Khu Q, xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ (Nay là khu Q, xã S, tỉnh Phú Thọ)

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 điều 12; Điều 14; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị M xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Xuân Đ, sinh ngày 29/7/2001 và Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/3/2013. Khi ly hôn anh T và chị M thống nhất thoả thuận: Chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Ngọc Á, sinh ngày 13/3/2013 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Đối với cháu Vũ Xuân Đ, sinh ngày 29/7/2001 đã thành niên nên anh T và chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; công nợ, công sức đóng góp gia đình: Anh Vũ Xuân T và chị Nguyễn Thị M đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vũ Xuân T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 75.000 đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THA dân sự khu vực 6 – Phú Thọ;
- UBND xã Mỹ Lương (nay là xã Sơn Lương);
(ĐKKH ngày 20/10/2000);
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Lê Thu Trang